

I. THÔNG TIN KINH TẾ - CHÍNH SÁCH.



Ngân hàng Thế giới duy trì dự báo tăng trưởng của Ấn Độ ở mức 8,3% trong năm tài chính 2021-22

Theo báo cáo "Triển vọng Kinh tế Toàn cầu" của Ngân hàng Thế giới (WB) tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ dự kiến sẽ là 8,3% trong năm tài chính hiện tại và ở mức 8,7% trong năm 2022-23.

Dự đoán tăng trưởng GDP của Ấn Độ ở mức 8,3% cho tài khóa hiện tại (2021-22) giống với dự báo của Ngân hàng Thế giới trong dự báo được công bố vào tháng 10/2021. Báo cáo cho rằng tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Ấn Độ trong hiện tại cũng như trong năm tài khóa tới sẽ mạnh hơn so với các nước trong khu vực.

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho biết, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ "giảm tốc rõ rệt" trong năm nay khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát và những khó khăn trong chuỗi cung ứng vẫn tiếp diễn.

Ngân hàng Thế giới cũng đưa ra dự đoán tăng trưởng toàn cầu sẽ giảm xuống 4,1% trong năm nay từ mức ước tính 5,5 phần trăm vào năm 2021, đồng thời cảnh báo "sự gián đoạn kinh tế liên quan đến biến chủng Omicron có thể làm giảm đáng kể tăng trưởng kinh tế thế giới", thậm chí có thể xuống mức 3,4%.

Đối với Ấn Độ, các dự báo liên tiếp của WB đã báo hiệu một sự phục hồi sau đại dịch. Vào ngày 31/3/2021, ngân hàng thế giới dự báo tăng trưởng GDP thực tế của Ấn Độ trong năm tài chính 21-22 có thể dao động từ 7,5 đến 12,5%. Sau khi xem xét cú sốc COVID-19 thứ hai tại Ấn Độ, Ngân hàng Thế giới, trong báo cáo Tiêu điểm Kinh tế Nam Á được công bố vào đầu tháng 10/2021 đã đưa ra mức dự báo tăng trưởng của Ấn Độ trong

năm 2021-22 ở mức 8,3%, và tiếp tục duy trì mức dự báo này trong báo cáo mới nhất.

Mức dự báo này thấp hơn so với dự báo của Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI), vào tháng 12/2021 cho biết tốc độ tăng trưởng GDP có thể đạt 9,5% cho năm tài khóa hiện tại.

Dòng vốn FDI vào Ấn Độ năm 2021 giảm 26%

Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) cho biết dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI toàn cầu đã tăng trở lại mạnh mẽ vào năm 2021, tăng 77% lên mức 1,65 nghìn tỷ USD, từ mức 929 tỷ USD vào năm 2020, vượt qua mức trước Covid-19. Trong đó, các nền kinh tế phát triển có bước nhảy vọt lớn với vốn FDI đạt 777 tỷ USD vào năm 2021.

Theo UNCTAD, dòng vốn FDI vào Ấn Độ giảm 26% trong năm 2021 so với năm 2020 do các thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) lớn được ghi nhận vào năm 2020 đã không được lặp lại trong năm 2021.

Bà Rebeca Grynspan, tổng thư ký của UNCTAD nhận xét "Việc phục hồi dòng vốn đầu tư sang các nước đang phát triển là điều đáng khích lệ, nhưng sự trì trệ đầu tư mới ở các nước kém phát triển nhất trong các ngành quan trọng, và các lĩnh vực mục tiêu của phát triển bền vững chính (SDG) - chẳng hạn như điện, thực phẩm hoặc y tế - là nguyên nhân chính dẫn đến việc triển khai các hoạt động đầu tư bị trì trệ".

Báo cáo cho thấy, các nền kinh tế phát triển đã có bước nhảy vọt lớn nhất từ trước đến nay, với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 777 tỷ USD vào năm 2021 - gấp ba lần mức đặc biệt thấp vào năm 2020.

UNCTAD cho biết hơn 80% sự gia tăng dòng chảy ở châu Âu là do sự thay đổi lớn trong các nền kinh tế ống dẫn (conduit economies), cơ quan Liên hợp quốc cho biết thêm rằng dòng chảy vốn FDI vào Hoa Kỳ tăng hơn gấp đôi, được hỗ trợ bởi sự gia tăng

các hoạt động mua bán và sáp nhập (M & A) xuyên biên giới.

Dòng vốn FDI vào các nền kinh tế đang phát triển tăng 30% lên gần 870 tỷ USD, dẫn đầu là Đông Á và Đông Nam Á. Khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Tây Á, phục hồi gần mức trước đại dịch.

Trong tổng mức tăng của dòng vốn FDI toàn cầu vào năm 2021 (718 tỷ USD), hơn 500 tỷ USD, tức gần ba phần tư, được ghi nhận ở các nền kinh tế phát triển. Các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển, có mức tăng trưởng phục hồi khiêm tốn hơn (chiếm 1/4).

Báo cáo cho biết niềm tin của nhà đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng là rất mạnh mẽ. Các hợp đồng tài trợ dự án quốc tế đã tăng 53% về số lượng và 91% về giá trị, với mức tăng đáng kể ở hầu hết các khu vực thu nhập cao và ở châu Á, Mỹ Latinh và Caribe.

Ngược lại, niềm tin của nhà đầu tư vào chuỗi giá trị toàn cầu vẫn còn yếu. Các thông báo về dự án đầu tư của Greenfield vẫn không thay đổi, thấp hơn trung bình khoảng 30% so với mức trước đại dịch trong các lĩnh vực công nghiệp.

James Zhan, Giám đốc đầu tư và doanh nghiệp tại UNCTAD cho biết: “Đầu tư mới vào lĩnh vực sản xuất và GVC vẫn ở mức thấp, một phần do thế giới đang trong làn sóng của đại dịch Covid-19 và do căng thẳng địa chính trị leo thang. Bên cạnh đó, việc đầu tư mới cần có thời gian. Thông thường có một khoảng thời gian trễ giữa sự phục hồi kinh tế và sự phục hồi của đầu tư mới vào sản xuất và chuỗi cung ứng”.

FDI vào Hoa Kỳ, nền kinh tế lớn nhất thế giới đã tăng 114% lên 323 tỷ USD, trong đó hoạt động M&A xuyên biên giới tăng gần gấp ba lần về giá trị lên 285 tỷ USD. FDI vào Liên minh châu Âu tăng 8% nhưng dòng chảy FDI vào các nền kinh tế lớn nhất vẫn thấp hơn nhiều so với mức trước đại dịch.

Trung Quốc đã chứng kiến mức tăng trưởng kỷ lục 20%, đạt mức 179 tỷ USD, được thúc đẩy bởi dòng vốn FDI vào lĩnh vực dịch vụ tăng mạnh mẽ. Trong khi Brazil chứng kiến dòng vốn FDI tăng gấp đôi đạt 58 tỷ USD so với năm 2020, nhưng dòng vốn này vẫn ở dưới mức trước đại dịch.

Báo cáo dự báo triển vọng FDI toàn cầu vào năm 2022 là tích cực nhưng tốc độ tăng trưởng phục hồi năm 2021 khó có thể lặp lại.

Số liệu thương mại Ấn Độ tháng 12/2021

Tổng xuất khẩu của Ấn Độ (Hàng hóa và Dịch vụ) vào tháng 12 năm 2021* ước tính đạt 57,87 tỷ USD, thể hiện mức tăng 25,05% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 23,35% so với tháng 12 năm 2019.

Tổng nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 12 năm 2021* ước tính là 72,35 tỷ USD, tăng 33,86% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 40,30% so với tháng 12 năm 2019

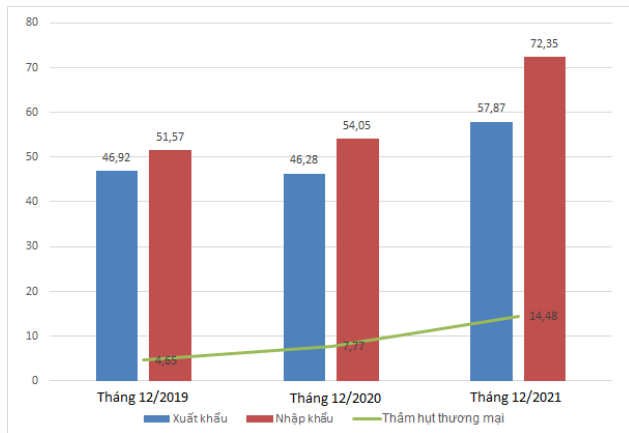
Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 12/2021*

		Tháng 12/2021 (tỷ USD)	Tháng 12/2020 (tỷ USD)	Tháng 12/2019 (tỷ USD)	Tốc độ tăng trưởng T12/2021 so với T12/2020 (%)	Tốc độ tăng trưởng T12/2021 so với T12/2019 (%)
Hàng hóa	Xuất khẩu	37,81	27,22	27,11	38,91	39,47
	Nhập khẩu	59,48	42,93	39,59	38,55	50,24
	Cán cân thương mại	-21,68	-15,72	-12,49	-37,92	-73,61
Dịch vụ	Xuất khẩu	20,07	19,06	19,81	5,26	1,29
	Nhập khẩu	12,87	11,12	11,98	15,76	7,44
	Cán cân thương mại	7,20	7,95	7,84	-9,42	-8,12
Thương mại tổng thể	Xuất khẩu	57,87	46,28	46,92	25,05	23,35
	Nhập khẩu	72,35	54,05	51,57	33,86	40,3

	Cán cân thương mại	-14,48	-7,77	-4,65	-86,32	-211,26
--	--------------------	--------	-------	-------	--------	---------

* Lưu ý: Dữ liệu mới nhất cho lĩnh vực dịch vụ do RBI phát hành là vào tháng 11 năm 2021. Dữ liệu cho tháng 12 năm 2021 là ước tính, sẽ được sửa đổi dựa trên bản phát hành tiếp theo của RBI. (ii) Dữ liệu cho năm 2019, 2020 và từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2021 được sửa đổi trên cơ sở tỷ lệ dữ liệu cán cân thanh toán hàng quý.

Hình 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 12 năm 2021 *



Tổng kim ngạch xuất khẩu của Ấn Độ (Hàng hóa và dịch vụ) trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021* ước tính đạt 479,07 tỷ USD, tăng 36,31% so với cùng kỳ năm ngoái năm và tăng 20,25% so với tháng 4 đến tháng 12 năm 2019.

Tổng kim ngạch nhập khẩu trong khoảng thời gian từ tháng 4 tới tháng 12 năm 2021* ước tính là 547,12 tỷ USD, cho thấy mức tăng trưởng 57,33% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 18,57% so với tháng 4-12 năm 2019.

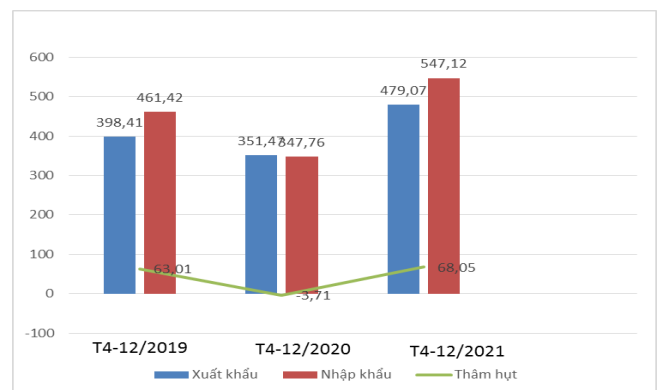
Bảng 2: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Ấn Độ từ tháng 4 đến tháng 12/2021*

		Tháng 4-12/2021 (tỷ USD)	Tháng 4-12/2020 (tỷ USD)	Tháng 4-12/2019 (tỷ USD)	Tốc độ tăng trưởng (T4-12/2021) so với (T4-12/2020) (%)	Tốc độ tăng trưởng (T4-12/2021) so với (T4-12/2019) (%)
Hàng hóa	Xuất khẩu	301,38	201,38	238,27	49,66	26,49

	Nhập khẩu	443,82	262,76	364,18	68,91	21,87
	Cán cân thương mại	-142,44	-61,38	-125,91	-132,07	-13,13
Dịch vụ*	Xuất khẩu	177,68	150,09	160,13	18,39	10,96
	Nhập khẩu	103,3	85	97,24	21,52	6,23
	Cán cân thương mại	74,39	65,08	62,9	14,3	18,27
Thương mại tổng thể	Xuất khẩu	479,07	351,47	398,41	36,31	20,25
	Nhập khẩu	547,12	347,76	461,42	57,33	18,57
	Cán cân thương mại	-68,06	3,7	-63,01	-1937,96	-8,00

* Lưu ý: Dữ liệu mới nhất cho lĩnh vực dịch vụ do RBI phát hành là vào tháng 11 năm 2021. Dữ liệu cho tháng 12 năm 2021 là ước tính, sẽ được sửa đổi dựa trên bản phát hành tiếp theo của RBI. (ii) Dữ liệu cho năm 2019, 2020 và từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2021 được sửa đổi trên cơ sở tỷ lệ dữ liệu cán cân thanh toán hàng quý.

Hình 2: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Ấn Độ từ tháng 4 đến tháng 12/2021*



THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

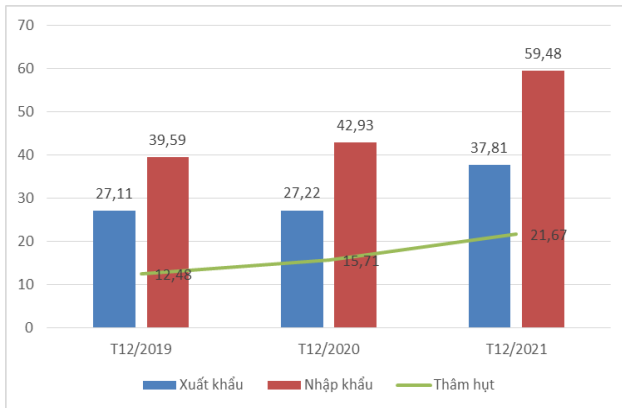
Xuất khẩu hàng hóa trong tháng 12 năm 2021 của Ấn Độ đạt 37,81 tỷ USD, so với

27,22 tỷ USD vào tháng 12 năm 2020, cho thấy mức tăng trưởng 38,91%. So với tháng 12 năm 2019, xuất khẩu tháng 12 năm 2021 tăng trưởng 39,47%

Nhập khẩu hàng hóa trong tháng 12 năm 2021 là 59,48 tỷ USD, tăng 38,55% so với giá trị nhập khẩu 42,93 tỷ USD vào tháng 12 năm 2020. Nhập khẩu tháng 12 năm 2021 tăng 50,24% so với tháng 12 năm 2019.

Thâm hụt thương mại hàng hóa có xu hướng ngày càng gia tăng. Cụ thể, thâm hụt thương mại tháng 12 năm 2021 ước tính đạt 21,68 tỷ USD; tăng 37,92% so với mức thâm hụt 15,72 tỷ vào tháng 12 năm 2020; và tăng 73,61% so với mức thâm hụt 12,49 tỷ USD tháng 12/2019.

Hình 3: Thương mại hàng hóa trong tháng 12 năm 2021

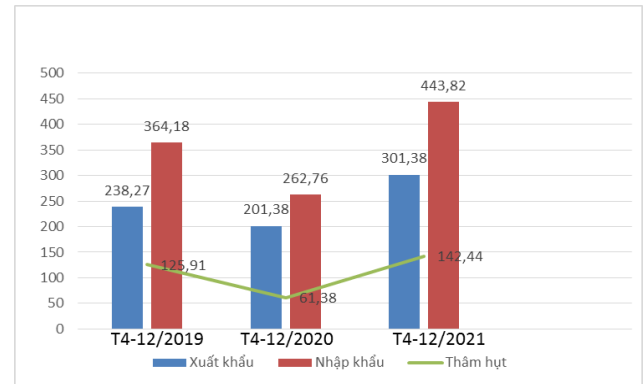


Lũy kế giá trị xuất khẩu hàng hóa của Ấn Độ trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 là 301,38 tỷ USD, tăng 49,66% so với mức 201,38 tỷ USD cùng kỳ năm 2020; và tăng 26,49% so với mức 238,27 tỷ USD năm 2019.

Lũy kế giá trị nhập khẩu hàng hóa trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 là 443,82 tỷ USD so với 262,76 tỷ USD trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020, ghi nhận mức tăng trưởng 68,91%. Giá trị nhập khẩu từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 đã ghi nhận mức tăng trưởng dương 21,87% so với tháng 4 đến tháng 12 năm 2019.

Thâm hụt cán cân thương mại hàng hóa tháng 4-12 năm 2021 ước tính đạt 142,44 tỷ USD, tăng 132% so với mức thâm hụt 61,38 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2020, và tăng 13,13% so với mức thâm hụt 125,91 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2019.

Hình 4: Lũy kế thương mại hàng hóa từ tháng 4 tới tháng 12/2021



Xuất khẩu mặt hàng phi dầu mỏ và phi đá quý & đồ trang sức trong tháng 12 năm 2021 là 28,92 tỷ USD, ghi nhận mức tăng trưởng 29,67% so với mức 22,30 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2020 và tăng trưởng 37,31% so với tháng 12 năm 2019.

Nhập khẩu mặt hàng phi dầu mỏ, phi đá quý và đồ trang sức (vàng, bạc và kim loại quý) đạt 35,47 tỷ USD trong tháng 12 năm 2021 với mức tăng trưởng 34,28% so với nhập khẩu phi xăng dầu, không phải đá quý và đồ trang sức là 26,41 tỷ USD Tháng 12 năm 2020 và mức tăng trưởng dương 47,32% đối với nhập khẩu phi xăng dầu, không phải đá quý và đồ trang sức trị giá 24,07 tỷ USD vào tháng 12 năm 2019.

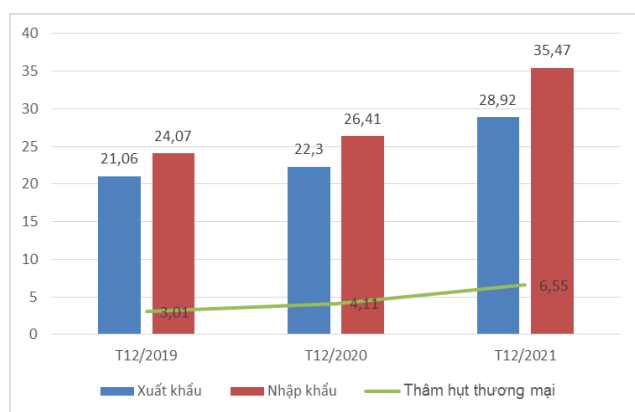
Bảng 3: Kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ, phi đá quý đồ trang sức tháng 12/2021

Nội dung	Tháng 12/2021 (tỷ USD)	Tháng 12/2020 (tỷ USD)	Tháng 12/2019 (tỷ USD)	Tốc độ tăng trưởng T12/2021 so với T12/2020 (%)	Tốc độ tăng trưởng T12/2021 so với T12/2019 (%)
Xuất khẩu mặt hàng	31,92	24,88	23,48	28,29	35,97

phi dầu mỏ					
Nhập khẩu mặt hàng phi dầu mỏ	43,32	33,31	28,88	30,07	50,02
Xuất khẩu mặt hàng phi dầu mỏ, phi trang sức	28,92	22,3	21,06	29,67	37,31
Nhập khẩu mặt hàng phi dầu mỏ, phi trang sức	35,47	26,41	24,07	34,28	47,32

Nội dung	Tháng 4-12/20 21 (tỷ USD)	Tháng 4-12/2020 (tỷ USD)	Tháng 4-12/20 19 (tỷ USD)	Tốc độ tăng trưởng (T4-12/2021) so với (T4-12/2020) (%)	Tốc độ tăng trưởng (T4-12/2021) so với (T4-12/2019) (%)
Xuất khẩu mặt hàng phi dầu mỏ	257,5	183,79	206,13	40,11	24,92
Nhập khẩu mặt hàng phi dầu mỏ	325,56	208,8	267,47	55,92	21,72
Xuất khẩu mặt hàng phi dầu mỏ, phi trang sức	228,6	166,91	178,15	36,96	28,32
Nhập khẩu mặt hàng phi dầu mỏ, phi trang sức	263,43	179,52	224,96	46,74	17,1

Hình 5: Kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ, phi đá quý đồ trang sức tháng 12/2021

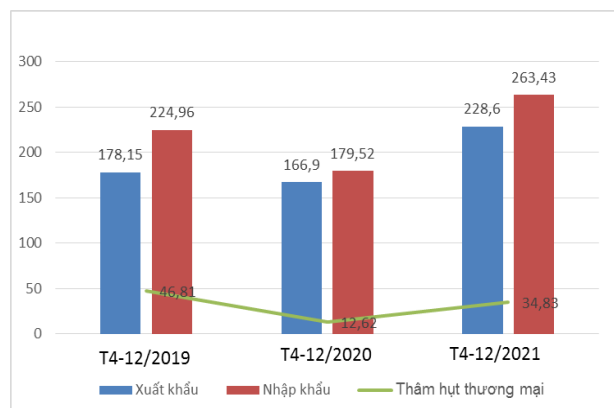


Xuất khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ và phi đá quý & đồ trang sức trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 đạt 228,60 tỷ USD, tăng 36,96% so với mức 166,91 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2020, và tăng 28,32% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ, phi đá quý và đồ trang sức (vàng, bạc và kim loại quý) là 263,43 tỷ USD trong tháng 4 đến tháng 12 năm 2021, ghi nhận mức tăng trưởng 46,74%, so mức 179,52 tỷ USD vào tháng 4-12/2020 và tăng trưởng 17,10% so với mức 224,96 tỷ USD trong tháng 4-12/2019.

Bảng 4: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ và phi đá quý, đồ trang sức từ tháng 4 đến tháng 12/2021

Hình 6: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ và phi đá quý, đồ trang sức từ tháng 4 đến tháng 12/2021



THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

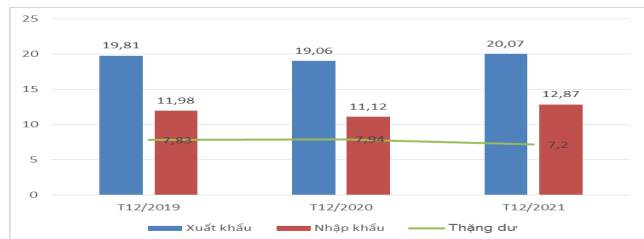
Giá trị xuất khẩu dịch vụ của Ấn Độ trong tháng 12 năm 2021* ước đạt 20,07 tỷ USD, tăng 5,26% so với tháng 12 năm 2020 (19,06 tỷ USD) và tăng 1,29% so với tháng 12 năm 2019 (19,81 tỷ USD).

Giá trị nhập khẩu dịch vụ ước tính cho tháng 12 năm 2021* là 12,87 tỷ USD, tăng 15,76% so với tháng 12 năm 2020 (11,12 tỷ USD) và tăng 7,44% so với tháng 12 năm 2019 (11,98 tỷ USD).

Thặng dư thương mại dịch vụ tháng 12 năm 2021* ước đạt 7,20 tỷ USD, giảm 9,42%

so với tháng 12 năm 2020 (7,95 tỷ USD) và giảm 8,12% so với tháng 12 năm 2019 (USD 7.84 Tỷ).

Hình 7: Kim ngạch thương mại dịch vụ trong tháng 12 năm 2021*

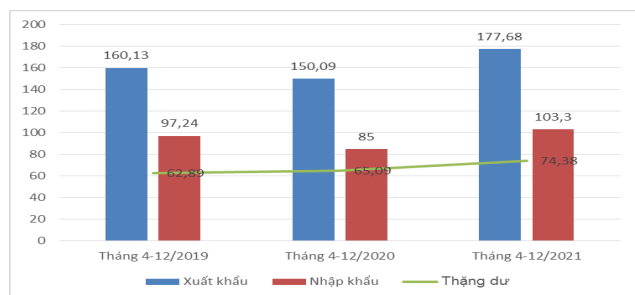


Giá trị xuất khẩu dịch vụ từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021* là 177,68 tỷ USD, tăng 18,39% so với cùng kỳ năm 2020 (150,09 tỷ USD) và tăng 10,96% so với cùng kỳ năm 2019 (160,13 tỷ USD).

Giá trị nhập khẩu dịch vụ từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021* là 103,30 tỷ USD, tăng 21,52% so với cùng kỳ năm 2020 (85,00 tỷ USD) và tăng 6,23% so với cùng kỳ năm 2019 (97,24 tỷ USD).

Cán cân thương mại dịch vụ tháng 4-12/2021* ước tính đạt 74,39 tỷ USD so với 65,08 tỷ USD trong tháng 4-12/2020, tăng 14,30%; tăng 18,27% so với cùng kỳ năm 2019 (62,90 tỷ USD).

Hình 8: Lũy kế thương mại dịch vụ từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 *



Bảng 5: Tăng trưởng xuất khẩu các nhóm hàng tháng 12 năm 2021

STT	Nhóm hàng	Giá trị (Triệu USD)		Tốc độ tăng trưởng
		Tháng 12/2020	Tháng 12/2021	
Nhóm hàng hóa có tốc độ tăng trưởng dương				

1	Sản phẩm dầu mỏ	2336,63	5887,67	151,97
2	Cà phê	44	98,47	123,8
3	Mica, Than & Quặng khác, Khoáng sản bao gồm khoáng chất đã qua chế biến	337,08	539,23	59,97
4	Nhựa & sơn lót	570,49	899,85	57,73
5	Cotton Yarn / Fabs, / Make-up, Handloom Products	987,76	1443,98	46,19
6	Ngũ cốc khác	96,24	140,17	45,65
7	Hàng kỹ thuật	7072,63	9788,88	38,41
8	Sợi nhân tạo / Fabs, / Make-up, v.v.	380,52	518,22	36,19
9	Hàng điện tử	1248,33	1672,59	33,99
10	Gạo	682,77	895,08	31,1
11	Sản phẩm Hàng hải	562,85	720,51	28,01
12	Hóa chất hữu cơ & vô cơ	2100	2664,15	26,86
13	RMG của tất cả các mặt hàng Dệt may	1195,78	1466,43	22,63
14	Trái cây & Rau quả	190,07	227,53	19,71
15	Da & sản phẩm từ da	338,49	404,41	19,48
16	Sản phẩm thịt, sữa & gia cầm	335,53	396,89	18,29
17	Đá quý & Trang sức	2575,67	2997,44	16,38
18	Hạt có dầu	147,72	165,29	11,9
19	Đay Mfg, Bao gồm cả lớp phủ sàn	41,78	46,73	11,86
20	Thủ công mỹ nghệ không bao gồm, thảm thủ công	180,34	196,13	8,75
21	Các chế phẩm từ ngũ cốc & các mặt hàng chế biến khác	183,48	199,18	8,56
22	Thảm	156,08	166,14	6,45
23	Thuốc & Dược phẩm	2203,53	2318,04	5,2
Nhóm hàng hóa có tốc độ tăng trưởng âm				
24	Quặng sắt	382,38	54,44	-85,76
25	Bột khô đầu	236,75	119,67	-49,45
26	Hạt điều	52,29	39,09	-25,24
27	Gia vị	344,92	314,4	-8,85
28	Trà	74,43	68,61	-7,82
29	Sản phẩm gốm sứ & đồ thủy tinh	310,62	294,23	-5,28
30	Thuốc lá	82,88	82,13	-0,9

Trong nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Ấn Độ, các nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng dương bao gồm 23 nhóm hàng. Trong đó các nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng cao nhất như các sản phẩm dầu mỏ, với giá trị xuất khẩu tháng 12/2021 đạt hơn 5,8 tỷ USD, tăng 151% so với mức 2,3 tỷ USD tháng 12/2020. Tiếp đến là các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao khác như Cà Phê (tăng 123%); khoáng sản (tăng 59%); nhựa (tăng 57%); Sợi cotton (tăng 46%);...

Bên cạnh đó, xuất khẩu một số mặt hàng giảm sút trong đó phần lớn là các mặt hàng nông sản như bột khô dầu, hạt điều, gia vị, trà,...Đứng đầu danh sách xuất khẩu suy giảm là quặng sắt giảm hơn 85% từ mức 382 triệu USD trong tháng 12/2020 xuống còn 54 triệu USD trong tháng 12/2021. Tiếp đó là các mặt hàng khác như bột khô dầu giảm gần 50%; xuất khẩu hạt điều giảm 25%; xuất khẩu gia vị giảm 8%; xuất khẩu trà giảm 7%,...

Bảng 6: Tăng trưởng nhập khẩu các nhóm hàng tháng 12 năm 2021

STT	Nhóm hàng	Giá trị (Triệu USD)		Tốc độ tăng trưởng
		Tháng 12/2020	Tháng 12/2021	
Nhóm hàng hóa có tốc độ tăng trưởng dương				
1	Bạc	10,39	232,04	2133,3
2	Lưu huỳnh & sắt chưa nung	19,69	69,95	255,26
3	Phân bón, thô & sản xuất	632,38	1712,03	170,73
4	Báo in	12,07	27,18	125,19
5	Bột giấy và giấy phế liệu	75,53	164,25	117,46
6	Quặng kim loại và các khoáng chất khác	429,52	857,3	99,59
7	Hóa chất hữu cơ & vô cơ	1879,88	3253,17	73,05
8	Than đá, than cốc & gạch, v.v.	1624,32	2803,09	72,57
9	Bông thô & chất thải	30,58	52,73	72,43
10	Hàng dự án	127,03	215,58	69,71

11	Dầu mỏ, dầu thô & sản phẩm	9629,01	16165,97	67,89
12	Da & sản phẩm từ da	50,02	76,08	52,1
13	Dầu thực vật	1210,88	1827,33	50,91
14	Vật liệu nhuộm / thuốc da / tạo màu	281,04	402,57	43,24
15	Nhựa nhân tạo, vật liệu nhựa, v.v.	1434,57	1970,3	37,34
16	Sắt thép	1265,3	1722,9	36,17
17	Kim loại màu	1303,56	1705,32	30,82
18	Hàng điện tử	5037,69	6427,3	27,58
19	Rau củ quả	240,36	305,64	27,16
20	Sợi dệt Vải, các sản phẩm hoàn thiện	180,93	229,2	26,68
21	Ngọc trai, đá quý & đá bán quý	2397,17	2891,13	20,61
22	Máy móc, điện & không điện	3149,33	3796,75	20,56
23	Sản phẩm thuốc & dược phẩm	623,44	743,89	19,32
24	Gỗ & các sản phẩm từ gỗ	470,32	548,23	16,57
25	Dụng cụ chuyên nghiệp, hàng quang học,	467,38	511,74	9,49
26	Vật liệu & sản phẩm hóa học	876,78	942,36	7,48
27	Vàng	4485,76	4729,47	5,43
28	Công cụ máy móc	347,52	363,26	4,53
Nhóm hàng hóa có tốc độ tăng trưởng âm				
29	Các loại đậu	294,61	189,65	-35,63
30	Thiết bị vận tải	2476,59	2306,43	-6,87

Về phía nhập khẩu, cho thấy tốc độ tăng nhập khẩu đột biến nhiều mặt hàng như bạc, tăng 2113%, từ mức nhập khẩu 10 triệu USD tháng 12/2020 lên mức 232 triệu USD trong tháng 12/2021. Tiếp đó, mặt hàng lưu huỳnh cũng cho thấy tốc độ tăng trưởng cao 255% đạt 69 triệu USD, trong khi nhập khẩu tháng 12/2020 chỉ ở mức 19 triệu USD. Ngoài ra còn có các mặt hàng khác với tốc độ tăng trưởng nhanh như: phân bón (170%); báo in (125%); bột giấy (117%); quặng kim loại (100%),...

Ngoài ra, nhập khẩu hai nhóm hàng có mức tăng trưởng âm là nhóm các loại đậu

giảm 35% từ mức 294 triệu tháng 12/2020, xuống còn 189 triệu USD tháng 12/2021. Nhập khẩu các thiết bị vận tải giảm từ mức 2,4 tỷ USD trong tháng 12/2020 xuống còn 2,3 tỷ USD trong tháng 12/2021, giảm 6,8%.

Bảng 7: Thương mại hàng hóa (Đơn vị: Crore Rs)

Nội dung	Tháng 12/2021	Tháng 4-12/2021
Xuất khẩu (bao gồm cả tái xuất)		
2019-20	192.984,47	1.677.370,97
2020-21	200.294,50	1.500.019,98
2021-22	284.960,74	2.238.821,02
Tốc độ tăng trưởng 2021-2022 so với 2021-2020	42,27	49,25
Tốc độ tăng trưởng 2021-2022 so với 2020-2019	47,66	33,47
Nhập khẩu		
2019-20	281.880,86	2.562.539,91
2020-21	315.970,77	1.956.256,92
2021-22	448.352,86	32,98,494,98
Tốc độ tăng trưởng 2021-2022 so với 2021-2020	41,9	68,61
Tốc độ tăng trưởng 2021-2022 so với 2020-2019	59,06	28,72
Cán cân thương mại		
2019-20	88.896,39	-885.168,94
2020-21	115.676,27	-456.236,94
2021-22	-163.392,12	-1.059.673,96

Bảng 8: Thương mại dịch vụ

Đơn vị: Tỷ USD

Nội dung	T11/2021	T4-11/2021
Xuất khẩu	20,14	157,62
Nhập khẩu	12,59	90,43
Cán cân thương mại	7,55	67,19

II. THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG.

Thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ vượt 12 tỷ USD trong 11 tháng

Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan Việt Nam, thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ đạt 12,08 tỷ USD tăng 37,68% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả năm 2020, trong đó, Việt Nam xuất khẩu 5,715 tỷ USD, tăng 20 % và nhập khẩu từ Ấn Độ 6,369 tỷ USD tăng 58,6%, thâm hụt thương mại 654 triệu USD, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong 11 tháng qua gồm: Chất dẻo nguyên liệu tăng 263,1%; Hóa chất tăng 166,4%; Cao su tăng 148,5%; Than đá tăng 128,1%. Xuất khẩu điện thoại di động và linh kiện tiếp tục có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất đạt hơn 1,2 tỷ USD, chiếm khoảng 21% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Ấn Độ; Xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đứng vị trí thứ hai đạt 750 triệu USD giảm hơn 6% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu các mặt hàng có kim ngạch lớn vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao như xuất khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt gần 600 triệu USD tăng 60,4% so với 11 tháng của năm 2020; Xuất khẩu sắt thép các loại, sản phẩm từ sắt thép và kim loại thường khác đạt 586,7 triệu USD tăng gần 40% so với cùng kỳ. Xuất khẩu hàng dệt may, sơ xợi dệt các loại, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre cói thảm cũng có tốc độ tăng trưởng ấn tượng.

Về nhập khẩu, có 26 trong tổng số 31 nhóm ngành hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với năm 2020. Nhập khẩu sắt thép các loại từ Ấn Độ có kim ngạch lớn nhất đạt 1,28 tỷ USD tăng 21,3 % so với cùng kỳ năm trước, riêng mặt hàng này chiếm 20% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Ấn Độ; Nhập khẩu Ngô, thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng trưởng đột biến so với các năm trước, giá trị nhập khẩu hai nhóm ngành hàng này đạt 550 triệu USD, chiếm gần 10% tổng kim ngạch nhập khẩu. Các mặt hàng khác có kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh như Kim loại thường tăng 275%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 173%; nhập khẩu quặng và

khoáng sản tăng 124%; nhập khẩu Bông và Giấy các loại đều tăng 124%.

Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu từ Ấn Độ phục vụ cho các ngành sản xuất trong nước.

Thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng tốt, trung bình đạt khoảng 1 tỷ USD/ tháng. Nếu tính riêng trong tháng 11 năm 2021, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 1,078 tỷ USD giảm 6,7% so với tháng 10/2021. Giá trị xuất khẩu của Ấn Độ sang Việt Nam đạt 527 triệu USD giảm 4% so với tháng 10/2021, giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 551 triệu USD (giảm 9%), thặng dư 24 triệu USD nghiêng về phía Việt Nam.

Các mặt hàng chính xuất khẩu từ Việt Nam sang Ấn Độ chiếm tỷ trọng lớn trong tháng 11/2021 gồm: Hóa chất và sản phẩm hóa chất (72,82 triệu USD, tăng 41,8% so với tháng 10/2021); Máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng (71 triệu USD, tăng 31,6%), Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (62,75 triệu USD, tăng 0,4%), Điện thoại các loại và linh kiện (60,95 triệu USD, giảm 63,4%); Kim loại thường và các sản phẩm khác (52,6 triệu USD, tăng 92,6%); Cao su (21,69 triệu USD giảm 22,3%). Ngoài ra còn có một số mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao như sản phẩm mây, tre, cói và thảm (đạt 4,1 triệu USD, tăng 228%); giày dép các loại (đạt 6,5 triệu USD tăng 95,8%). Một số mặt hàng giảm mạnh như các mặt hàng nông sản như hàng thủy sản (giảm 30%); điều (giảm 50%); chè (giảm 62,8%), các mặt hàng công nghiệp như than đá (giảm 32%); chất dẻo nguyên liệu (giảm 52%), sản phẩm từ cao su (giảm 51%), điện thoại các loại và linh kiện (giảm 63,4%)

Các mặt hàng chính xuất khẩu từ Ấn Độ sang Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tháng 11/2021 gồm: Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép (128,2 triệu USD giảm 30,7% so với tháng 10/2021, chiếm 24% tổng giá trị xuất khẩu của Ấn Độ sang Việt Nam); Đá quý, kim loại quý và sản phẩm (38,8 triệu USD tăng

27,5%); Kim loại thường khác (31,4 triệu USD tăng 1%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (29,2 triệu USD, giảm 28,3%); Bông (25,7 triệu USD, tăng 88,3%). Ngoài ra có một số mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao như nguyên phụ liệu thuốc lá; hàng rau quả; dầu mỡ động thực vật lần lượt tăng 1000%, 126%, 56%. Một số mặt hàng giảm mạnh như ô tô nguyên chiếc; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sắt thép các loại lần lượt giảm 100%, 65%, 30%.

Thương mại của Ấn Độ với Trung Quốc vượt 125 tỷ USD

Thương mại của Ấn Độ với Trung Quốc vào năm 2021 đã vượt 125 tỷ USD trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc gần đạt mức kỷ lục 100 tỷ USD, nhấn mạnh nhu cầu tiêu dùng cao đối với một loạt hàng hóa của Trung Quốc, đặc biệt là máy móc.

Trong 12 tháng qua, dữ liệu từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc cho thấy, giá trị hàng hóa mà Ấn Độ nhập khẩu từ Trung Quốc đã đạt mức 100 tỷ USD, vượt tổng kim ngạch thương mại song phương trong năm 2019 (92,8 tỷ USD); và mức 87,6 tỷ USD trong năm 2020.

Thương mại song phương Ấn Độ Trung Quốc đã bùng nổ vào năm 2021 do nhu cầu tiêu dùng đã phục hồi sau đại dịch, bên cạnh đó là việc tăng nhập khẩu các loại vật tư y tế cũng góp phần thúc đẩy kim ngạch nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc. Thương mại song phương đạt 125,6 tỷ USD vào năm 2021, trong đó chỉ riêng nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc chiếm 97,5 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2019.

Trong khi xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc trong năm 2021 đạt mức 28,1 tỷ USD, tăng 56% so với năm 2019. Thâm hụt thương mại năm 2021 tăng lên tới 69,4 tỷ USD, tăng 22% so với con số trước đại dịch năm 2019.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Ấn Độ sang Trung Quốc trong những năm gần đây là quặng sắt, bông và các mặt hàng dựa trên

nguyên liệu thô khác. Năm 2021, nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng này của Trung Quốc đã dần phục hồi sau đại dịch.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Trung Quốc sang thị trường Ấn Độ là máy móc cơ điện, dược phẩm hoạt tính (API), linh kiện ô tô và trong hai năm qua, nhiều loại vật tư y tế từ máy tạo oxy đến PPE.

Trong các đối tác của Trung Quốc, thương mại song phương với Ấn Độ đạt mức tăng trưởng cao nhất 43%. Kế tiếp đó, thương mại song phương của Trung Quốc với khu vực ASEAN tăng 28,1% (lên 878,2 tỷ USD), tăng 27,5% với Liên minh châu Âu (828,1 tỷ USD) và tăng 28,7% với Hoa Kỳ (755,6 tỷ USD).

Người phát ngôn của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GAC), Li Kuiwen cho biết xuất khẩu thiết bị y tế của Trung Quốc đã tăng hơn gấp đôi vào năm 2021, trong khi xuất khẩu các mặt hàng khác như máy tính xách tay và thiết bị gia dụng tăng 13%, do nhu cầu tiêu dùng các thiết bị ở nhà ngày càng gia tăng. Hoạt động thương mại của Trung Quốc đã phục hồi mạnh mẽ vào năm 2021, với xuất nhập khẩu tăng 30%, tuy nhiên, các quan chức cảnh báo về nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu khi thế giới đang tiếp tục đối phó với tác động của biến thể Omicron đang lây lan mạnh mẽ trên toàn cầu.

III. THÔNG TIN NGÀNH HÀNG.

1. Ngành hàng gạo.

Ấn Độ duy trì diện tích cây nông nghiệp

Theo Bộ Nông nghiệp Ấn Độ, tính đến ngày 31/12/2021, Ấn Độ đã gieo trồng được 63,486 triệu ha cây trong vụ Đông Xuân năm 2021-2022 (tháng 10/2021-4/2022), tăng 0,964 triệu ha so với cùng kỳ năm trước, trong đó: (i) Lúa gạo đạt 1,405 triệu ha, giảm 0,1 triệu ha; (ii) Các loại đậu đạt 15,262 triệu ha, giảm 0,142 triệu ha; (iii) Lúa mì đạt 32,588 triệu ha, giảm 0,323 triệu ha; (iv) Ngũ cốc (ngô, kê, jowar, bajra, ragi) đạt 4,505 triệu ha, giảm 0,114 triệu ha; (v) Hạt lấy dầu (lạc,

đỗ tương, hướng dương...) đạt 9,707 triệu ha, tăng 1,643 triệu ha.

Xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm tài chính 2021-2022 của Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng

Theo số liệu của Bộ Công Thương Ấn Độ, tổng kim ngạch xuất khẩu gạo trong 7 tháng đầu năm tài chính 2021-2022 (tháng 4 đến tháng 10/2021) đạt 5,308 tỷ USD (11,793 triệu tấn), tăng 11,11 % về giá trị và 33,26% về khối lượng cùng kỳ năm trước; trong đó, gạo Basmati giảm 23,66% về giá trị và giảm 21,16% về khối lượng; gạo phi Basmati tăng 69,43% về giá trị và 55,99% về khối lượng

Riêng trong tháng 10, tổng kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 688,31 triệu USD (1,642 triệu tấn), giảm 0,09% về giá trị và tăng 16,16% về khối lượng; trong đó gạo Basmati giảm 37,34% về giá trị và giảm 40,15% về khối lượng, gạo phi Basmati tăng 29,75% về giá trị và tăng 35,23% về khối lượng.

- Tính theo giá trị:

Chủng loại	T4-T 10 /21	T4-T 10 /20	T/G %	T10 /21	T10 /20	T/G %
Gạo Basmati	1.85 5	2.42 9	-23, 66	191, 97	306, 36	-37, 34
Gạo phi Basmati	3.45 3	2,03 8	69, 43	496, 34	382, 54	29,7 5
Tổng các loại gạo	5.30 8	4.47 7	11, 11	688, 31	688, 90	-0, 09

triệu USD

Nguồn: BCT Ấn Độ

- Tính theo khối lượng

Chủng loại	T4-T 10 /21	T4-T 10 /20	T/G %	T1 0/ 21	T1 0/ 20	T/G %
Gạo Basmati	2,16 4	2,7 44	-21 ,16	0,2 14	0,3 57	-40, 15

Gạo phi Basmati	9,62 9	6,1 73	55, 99	1,4 28	1,0 56	35, 23
Tổng các loại gạo	11,7 93	8,91 7	33, 26	1,6 42	1,4 13	16, 16

triệu tấn

Nguồn: BCT Ấn Độ

Việt Nam trong top 8 các nhà nhập khẩu gạo của Ấn Độ

Theo số liệu của Bộ Công Thương Ấn Độ, kim ngạch xuất khẩu gạo Ấn Độ sang Việt Nam giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 10/2021 là 151,79 triệu USD, khối lượng 455.292 tấn (so với 14.933 tấn cùng kỳ năm trước), đứng thứ 12 về giá trị và thứ 8 về khối lượng trong số các quốc gia Ấn Độ xuất khẩu gạo. Riêng trong tháng 10, Ấn Độ xuất khẩu 29.648 tấn gạo sang Việt Nam (so với 8823 tấn cùng kỳ năm trước), đạt kim ngạch 9,05 triệu USD.

	T4-10 /21	T4-10/ 20	T10/ 21	T10/ 20
Giá trị (triệu USD)	151,79	5,61	9.05	2,85
Khối lượng (tấn)	455292	14.933	29.65	8.823

Xuất khẩu gạo của Ấn Độ dự báo vượt kỷ lục 17,72 triệu tấn của năm tài chính 2020-21

Việc Ấn Độ thúc đẩy mở rộng cơ sở hạ tầng xếp dỡ cảng, phát triển chuỗi giá trị, cùng với nỗ lực tìm kiếm cơ hội mới ở các quốc gia hoặc thị trường xuất khẩu gạo trong vài năm qua đã khiến xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng đột biến. Bất chấp những thách thức về hậu cần do đại dịch COVID19 gây ra, Ấn Độ tiếp tục mở rộng xuất khẩu gạo của mình ở các thị trường Châu Phi, Châu Á và Liên minh

Châu Âu, trở thành quốc gia có thị phần lớn nhất trong thương mại gạo toàn cầu. Nhu cầu toàn cầu mạnh mẽ cũng giúp Ấn Độ tăng trưởng xuất khẩu gạo.

Trong năm tài chính 2020-21, xuất khẩu gạo của Ấn Độ (gạo Basmati và Non-Basmati) đã tăng 87% lên 17,72 triệu tấn từ mức 9,49 tấn đạt được trong năm 2019-20. Xét về giá trị, xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng 38% lên 8,8 tỷ USD trong giai đoạn 2020-21 từ mức 6,4 tỷ USD trong năm 2019-20.

Trong 7 tháng (từ tháng 4 tới tháng 10) năm tài chính hiện tại (2021-2022), xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã tăng hơn 33% lên 11,79 tấn từ mức 8,91 tấn đạt được trong cùng kỳ năm 2020-21. Dự đoán mức xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm 2021-22 có thể sẽ vượt qua mức kỷ lục 17,72 tấn đạt được trong năm 2020-21.

Trong năm 2020-21, Ấn Độ đã xuất khẩu gạo non-basmati tới 9 thị trường mới gồm Timor-Leste, Puerto Rico, Brazil, Papua New Guinea, Zimbabwe, Burundi, Eswatini, Myanmar và Nicaragua. Xuất khẩu gạo Non-Basmati của Ấn Độ đạt trị giá 4796 triệu USD trong năm 2020-21. Xuất khẩu sang 10 quốc gia hàng đầu gồm Nepal, Benin, Bangladesh, Senegal, Togo, Cote D Ivoire, Guinea, Malaysia, Iraq, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, chiếm 57% trong tổng khối lượng xuất khẩu gạo non Basmati của Ấn Độ trong năm 2020-21.

Xuất khẩu gạo Basmati trong năm 2020-21 đạt 4018 triệu. Mười quốc gia nhập khẩu hàng đầu gồm Ả Rập Xê Út, Iran, Iraq, Yemen, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Hoa Kỳ, Kuwait, Anh, Qatar và Oman, chiếm 80% tổng khối lượng xuất khẩu gạo Basmati của Ấn Độ.

Mặc dù trong bối cảnh đại dịch COVID19 đang diễn ra trên toàn cầu gây ra sự gián

đoạn chuỗi cung ứng của nhiều mặt hàng. Nhưng xuất khẩu gạo của Ấn Độ vẫn đạt mức tăng trưởng đột biến. Kết quả này có được là nhờ bởi chính phủ đã thực hiện các biện pháp nhanh chóng để đảm bảo xuất khẩu gạo và các loại ngũ cốc khác trong khi thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn liên quan đến COVID19.

Tiến sĩ M Angamuthu, Chủ tịch, Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm Chế biến (APEDA) cho biết: “Ấn Độ tiếp tục cung cấp gạo cho thị trường toàn cầu, do đó đảm bảo an ninh lương thực ở nhiều quốc gia trong khi nhiều quốc gia đang tích trữ dự trữ.

APEDA đã phối hợp với chính quyền các bang cũng như các bên liên quan, đã giúp cải thiện các cơ sở xếp dỡ cảng tại Kakinada, Vishakhapatnam, Chennai, Mundra và Krishnapatnam, và Paradip, do đó thúc đẩy xuất khẩu gạo. APEDA đã và đang thúc đẩy xuất khẩu gạo thông qua hợp tác với các bên liên quan khác nhau trong chuỗi giá trị.

Chính phủ đã thành lập Diễn đàn xúc tiến xuất khẩu gạo (REPF) dưới sự điều hành của APEDA. REPF có đại diện của ngành gạo, các nhà xuất khẩu, các quan chức từ APEDA, Bộ Thương mại và Giám đốc Nông nghiệp từ các bang sản xuất gạo lớn bao gồm Tây Bengal, Uttar Pradesh, Punjab, Haryana, Telangana, Andhra Pradesh, Assam, Chhattisgarh và Odisha.

Để thúc đẩy xuất khẩu gạo Basmati chất lượng cao, Tổ chức Phát triển Xuất khẩu Basmati (BEDF) do APEDA hỗ trợ đã thực hiện các bước sáng tạo nhằm hướng dẫn nông dân tham gia trồng lúa Basmati ở các vùng trồng trọng điểm áp dụng các bước thực hành nông nghiệp tốt. BEDF cũng phối hợp với các hiệp hội xuất khẩu gạo của Punjab, Haryana, Uttar Pradesh, Uttarakhand,

Himachal Pradesh, Jammu & Kashmir, Delhi, các trường đại học nông nghiệp bang và các sở nông nghiệp bang, tổ chức 75 chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về khuyến khích nông dân trồng lúa Basmati chất lượng cao ở bảy bang.

Ông Angamuthu, Chủ tịch APEDA cho biết: “APEDA đang tiếp tục tập trung vào việc tạo cơ sở hạ tầng để thúc đẩy xuất khẩu bằng cách phối hợp với chính quyền các bang tập trung vào các cụm sản xuất”. APEDA đã phối hợp cùng với các Chính phủ bang để thực hiện Chính sách Xuất khẩu Nông nghiệp. Các bang Maharashtra, UP, Kerala, Nagaland, Tamil Nadu, Assam, Punjab, Karnataka, Gujarat, Rajasthan, Andhra Pradesh, Telangana, Manipur, Sikkim, Uttarakhand, MP, Mizoram và Meghalaya đã hoàn thiện Kế hoạch hành động cụ thể về xuất khẩu trong khi các bang còn lại đang trong quá trình hoàn thiện chương trình hành động.

Mỹ Latinh mở cửa thị trường cho gạo Basmati của Ấn Độ

Vinod Kaul, Giám đốc điều hành, Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ (AIREA) cho biết các nước Mỹ Latinh trước đây phụ thuộc vào nguồn cung gạo từ Mỹ. Nhưng bây giờ họ đã chuyển sang tìm kiếm các đối tác từ Ấn Độ và đang đặt hàng với các nhà xuất khẩu gạo của Ấn Độ”.

Các nước Mỹ Latinh đã gửi yêu cầu nhập khẩu tới các nhà xuất khẩu gạo Basmati của Ấn Độ, những lô hàng đầu tiên đã rời các cảng của Ấn Độ vào tháng 12/2021. Việc mở rộng các thị trường mới này đã giúp các nhà xuất khẩu Ấn Độ giảm những thiệt hại do việc mất thị trường lớn là Iran do các vấn đề thanh toán. Iran là điểm đến chính của gạo basmati của Ấn Độ trong những năm qua. Nhưng sau lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ đối

với Iran, việc thanh toán trở nên khó khăn và chậm trễ trong việc nhận thanh toán.

Theo thỏa thuận thương mại giữa Ấn Độ và Iran, các nhà máy lọc dầu Ấn Độ thường nhập khẩu dầu thô từ Iran và thực hiện thanh toán vào tài khoản đồng rupee được chỉ định tại Ngân hàng UCO. Dòng tiền đã bị ảnh hưởng do Ấn Độ không nhập khẩu dầu thô từ năm 2019, sau các lệnh trừng phạt đối với Iran do chính quyền Donald Trump áp đặt.

Giá gạo Basmati đã tăng vọt trong năm 2021 do những trận mưa trái mùa vào tháng 9 đã ảnh hưởng đến vụ mùa. Giá đã tăng 20% -40% do nguồn cung gạo basmati chất lượng giảm gần 15% -20% trong năm nay so với năm ngoái.

2. Ngành Thủy sản.

Nhu cầu về thực phẩm tiện lợi tăng cao làm tăng giá trị gia tăng trong xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ

Các nhà xuất khẩu thủy sản Ấn Độ đang giới thiệu nhiều sản phẩm giá trị gia tăng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với thực phẩm tiện lợi ở thị trường nước ngoài, đặc biệt là Mỹ, sau khi dịch COVID-19 bùng phát.

Thị trường bán lẻ các sản phẩm tiện lợi đang bùng nổ khi một bộ phận lớn người dân vẫn lo ngại đi ăn nhà hàng và dịch vụ ăn uống vẫn chưa trở lại mức bình thường. Kể từ khi nhu cầu tiêu dùng tại nhà trở nên phổ biến, người tiêu dùng đang mua nhiều thực phẩm chế biến sẵn hơn.

Theo dữ liệu được công bố bởi Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Thủy sản Ấn Độ (MPEDA), trước khi dịch COVID-19 bùng phát trên toàn cầu, giá trị gia tăng trong tổng xuất khẩu thủy sản hàng năm của Ấn Độ duy trì ở mức khoảng 6-7%. Tuy nhiên, kể từ sau khi dịch bệnh bùng phát, trong vài năm trở lại đây, tăng trưởng xuất khẩu của Ấn Độ đã tăng lên khoảng 10%. Ấn Độ đã xuất khẩu các sản

phẩm thủy sản trị giá 5,96 tỷ USD trong năm tài chính 2020-21 và mục tiêu cả năm đạt mức 7 tỷ USD.

Ông Anwar Hashim, Giám đốc điều hành Abad Fisher cho biết “Nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm thủy sản trong thời gian dịch bệnh tăng nhanh và đa dạng hơn. Do đó, thay vì các gói số lượng lớn, chúng tôi đã sản xuất những gói cá phi lê, và các sản phẩm chế biến sẵn để chiên hoặc hấp với kích thước nhỏ, thuận tiện hơn cho người tiêu dùng như với các size như 500 gms, 250 gms, phù hợp cho các bữa ăn khác nhau”.

Đại dịch đã buộc các nhà xuất khẩu phải tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng hơn, đòi hỏi đầu tư nhiều hơn trong việc phát triển, nghiên cứu sản phẩm mới, tiện lợi, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng đa dạng hơn.

Ông M Nagesh, giám đốc tài chính của Nekkanti Sea Foods Ltd cho biết “Chúng tôi có hợp đồng độc quyền với người mua ở Mỹ. Họ cung cấp cho chúng tôi các chương trình đào tạo và giúp chúng tôi nhập khẩu nguyên liệu thực phẩm cần thiết để gia tăng giá trị, chẳng hạn như sản xuất bánh mì”.

Khối lượng tiêu dùng các sản phẩm giá trị gia tăng sẽ thấp hơn so với các sản phẩm thô. Vì vậy, giá trị cộng thêm vượt quá giới hạn sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận, mặc dù lợi nhuận sẽ nhiều hơn do các sản phẩm đặc biệt sẽ mang lại tỷ suất lợi nhuận lớn hơn. Hiện tại, giá trị gia tăng của công ty từ xuất khẩu là khoảng 15%.

Do ảnh hưởng dịch bệnh, giá cước vận chuyển đã tăng gấp 4-5 lần đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của các nhà xuất khẩu. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến thể Omicron đang phát triển với tốc độ nhanh chóng, nhu cầu dự trữ ngày càng tăng cao nhiều hơn trong mùa đông mang tới cơ hội kinh doanh mới cho các nhà xuất khẩu Ấn Độ. Ví dụ, sản phẩm tôm tẩm bột đã trở thành một mặt hàng hút khách ở Mỹ và Nhật Bản. Theo các nhà xuất khẩu, các loại đồ ăn sẵn như mì ống, nước sốt với

tôm hoặc cá được tìm kiếm, tiêu thụ nhiều ở một số quốc gia.

Cơn sốt đối với các sản phẩm giá trị gia tăng được mua từ các chuỗi bán lẻ và siêu thị đã giúp thúc đẩy các lô hàng sản phẩm Surimi từ Ấn Độ. Surimi là một loại bột nhào làm từ thịt cá được sử dụng để tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng. Nó được sử dụng để bắt chước kết cấu và hương vị của các sản phẩm đắt tiền hơn như cua hoặc tôm hùm. Thanh cua là một sản phẩm Surimi phổ biến trên toàn thế giới.



Arjun Gadre, giám đốc Marketing của công ty Gadre Marine Export Pvt cho biết: “Xuất khẩu thanh cua của công ty này sang Mỹ đã tăng 20% do nguồn cung từ các nhà sản xuất địa phương trong nước đã bị ảnh hưởng bởi đại dịch”. Được biết xuất khẩu Surimi của công ty Gadre Marine Export Pvt chiếm 40% tổng lượng Surimi xuất khẩu của Ấn Độ.

Việc tiêu thụ các sản phẩm từ Surimi cũng tăng lên ở các nước Châu Á như Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan và Hàn Quốc. Ông Satish Pandit, Giám đốc công ty Amal Sagar Seafoods Ltd., một nhà xuất khẩu Surimi lớn khác cho biết “Nguồn cung Surimi từ Malaysia, Indonesia và Thái Lan đã cạn kiệt sau Covid-19 do thiếu nhân công. Nhưng Ấn Độ đã giải quyết được vấn đề về nguồn lao động bất chấp việc đóng cửa”.



Do cá tráp vây chỉ, loại cá chủ yếu được sử dụng ở Surimi, đã trở nên đắt đỏ sau khi sản lượng đánh bắt giảm mạnh, các nhà sản xuất đã tiến hành trộn Surimi từ thịt của cá đù, cá thằn lằn, cá hổ.

3. Dệt May – Da giày.

Xuất khẩu ngành dệt may tăng 41% từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 so với năm 2020

Trong năm tài chính 2020-21, xuất khẩu hàng dệt may giảm tốc do đại dịch làm gián đoạn chuỗi cung ứng và nhu cầu. Tuy nhiên, các dấu hiệu phục hồi có thể nhìn thấy trong năm 2021-22. Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may bao gồm cả thủ công mỹ nghệ là 29,8 tỷ USD tăng 41% so với mức 21,2 tỷ USD của cùng kỳ năm ngoái. Điều này cho thấy mức tăng trưởng mạnh mẽ, báo hiệu sự phục hồi kinh tế.

Ngay cả so với năm trước đại dịch, tức là trong giai đoạn 2019-20, xuất khẩu ngành dệt may (bao gồm cả thủ công mỹ nghệ) trong khoảng thời gian từ tháng 4 tới tháng 12/2021 đã tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2019 (thời điểm trước khi dịch bệnh bùng phát).

Kim ngạch xuất khẩu dệt may tăng 31%; xuất khẩu nhóm các sản phẩm bông, sản phẩm sợi, vải, sản phẩm may sẵn, sản phẩm Handloom, v.v. tăng 43% và sản phẩm dệt tăng 33% từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2019.

Chính phủ Ấn Độ đã đặt mục tiêu xuất khẩu 44 tỷ USD cho các sản phẩm dệt may bao gồm cả thủ công mỹ nghệ trong năm 2021-2022 và khoảng 68% mục tiêu hàng năm đã đạt được. Ngành dệt may kỳ vọng sớm đạt được mục tiêu kể trên, điều này hoàn toàn có thể đạt được bởi quý cuối cùng của năm tài chính luôn có hoạt động kinh doanh cao hơn các quý trước đó.

4. Mặt hàng Chè.

Sản lượng trà Darjeeling giảm xuống mức thấp kỷ lục vào năm 2021



Trà Darjeeling Ấn Độ là một trong những giống trà phổ biến nhất trên toàn cầu, đang đứng trước nguy cơ suy giảm nghiêm trọng cả về sản lượng và chất lượng. Sản lượng trà Darjeeling đã giảm xuống còn 6,19 triệu kg vào năm 2021, mức thấp nhất từ trước tới nay, theo số liệu do Tea Board cung cấp.

Trong năm 2021, vụ sản xuất trà Darjeeling đầu tiên trong khoảng từ tháng 3 tới tháng 4/2021 (vụ có chất lượng trà tốt nhất và sản lượng thường chiếm 35% tổng sản lượng cả năm) đã bị ảnh hưởng nặng nề do ảnh hưởng của dịch bệnh, khiến sản lượng thu được chỉ đạt 0,66 triệu kg so với mức 1,28 triệu kg trong cùng kỳ năm 2019. Sản lượng vụ mùa cuối tháng 11/2021 cũng đã giảm mạnh và chỉ đạt 0,35 triệu kg so với mức 0,59 triệu kg cùng kỳ năm 2020.

Mặc dù trong năm 2020, sản lượng trà Darjeeling Ấn Độ tăng 0,63 triệu kg, nhưng đã giảm 50% so với khả năng sản xuất trung bình của khu vực. Darjeeling sản xuất 6,39 triệu kg vào năm 2019.

Hơn nữa, chất lượng trà Darjeeling cũng đã bị ảnh hưởng khi nhiều người trồng thu hoạch sớm trước khi đến thời hạn, gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng trà.

Những yếu tố như tình hình chính trị bất ổn, đại dịch Covid-19, điều kiện thời tiết thất thường, đồn điền không khả thi, chi phí sản xuất ngày càng tăng đã dẫn đến sự sụp đổ của giống trà Darjeeling của Ấn Độ.

Atul Asthana, Giám đốc điều hành của Goodricke Tea cho biết, sản lượng ở Darjeeling đã bị thu hẹp kể từ năm 2017. Từ mức 10 triệu kg, nó đã chạm mức 6 triệu kg. Chất lượng trà Darjeeling cũng bị suy giảm ở 87 vườn trà mà công ty này đang khai thác.

Ông Asthana nhận xét “Những bụi trà hiện có cần phải nhổ và trồng lại khẩn cấp. Chi phí sản xuất ở Darjeeling đã chạm mức 700 Rs/kg nhưng giá cả trên thị trường quốc tế và nội địa đều không cao. Ngoài ra, việc tái trồng trà không thể xảy ra nếu không có sự hỗ trợ của chính phủ, chúng tôi đang tìm kiếm sự trợ giúp từ phía chính phủ”.

5. Mặt hàng điều

Ấn Độ xây dựng Kế hoạch tổng thể cho ngành điều

Cuộc họp cấp cao với sự tham dự của Bộ trưởng Tài chính Bang Kerala KN Balagopal và Bộ trưởng Bộ Công nghiệp P. Rajeev đã quyết định xây dựng kế hoạch tổng thể về hiện đại hóa và đa dạng hóa ngành điều.

Dựa trên kế hoạch này, chính phủ Ấn Độ sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính cần thiết để vực dậy ngành điều đang gặp nhiều khó khăn trong phát triển. Quyết định này được đưa ra tại cuộc họp giữa các tổ chức công đoàn và các nhà chế biến được triệu tập để thảo luận về các vấn đề và khả năng xảy ra trong ngành điều. Một cuộc họp tổng kết để đánh giá kết quả hoạt động của Tổng công ty Phát triển Điều Bang Kerala (KSCDC) và Hiệp hội Hợp tác xã Công nghiệp Apex của Bang Kerala (Capex) cũng đã được tổ chức.

Cuộc họp cho rằng giá điều thô tăng và thuế nhập khẩu tăng đã khiến ngành điều Ấn Độ rơi vào khủng hoảng. Những người tham gia chỉ ra rằng chi phí sản xuất điều ở Kerala cao hơn gấp đôi so với các bang khác và việc thiếu cơ sở hạ tầng hiện đại là nguyên nhân chính. Kế hoạch tổng thể cũng sẽ tập trung vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếp thị và sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ hạt điều. Ban Điều hành sẽ có hướng dẫn để thu mua hạt điều thô chất lượng khi nó có sẵn với giá cả phải chăng trên thị trường quốc tế.

Các cơ quan chuyên môn cũng sẽ tham gia vào kế hoạch tổng thể để giúp đỡ các nhà sản xuất điều. Ban Tái cấu trúc Khu vực Công và Kiểm toán Nội bộ Kerala (RIAB) sẽ là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của KSCDC và Capex.

IV. THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP

Tăng trưởng kinh tế 8 ngành công nghiệp cốt lõi tháng 11/2021

Ngày 31/12/2021, Văn phòng Cố vấn Kinh tế, Cục Xúc tiến Công nghiệp và Nội thương Ấn Độ đã công bố Chỉ số Tám ngành Công nghiệp cốt lõi (ICI) cho Tháng 11 năm 2021. ICI đo lường kết hợp và hiệu suất sản xuất riêng lẻ trong tám ngành công nghiệp cốt lõi được chọn bao gồm: Than, dầu thô, khí tự nhiên, sản phẩm lọc dầu, phân bón, thép, xi măng và điện. Sản lượng tám ngành công nghiệp cốt lõi chiếm 40,27% trong tổng sản lượng của các mặt hàng được đưa vào Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP).

Chỉ số tổng hợp của tám ngành công nghiệp cốt lõi đạt 131,7 vào tháng 11 năm 2021, tăng 3,1% so với Chỉ số của tháng 11 năm 2020. Sản lượng của các ngành Than, Khí tự nhiên, Lọc hóa dầu, Phân bón, Thép và Điện trong tháng 11 năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng sản xuất của 8 ngành công nghiệp cốt lõi

Sản lượng than (tỷ trọng 10,33%) tăng 8,2% trong tháng 11 năm 2021 so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số tăng trưởng lũy kế từ tháng 4 tới tháng 11/2021 tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng dầu thô (tỷ trọng 8,98%) giảm 2,2% trong tháng 11 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020. Tăng trưởng lũy kế dầu mỏ trong khoảng thời gian từ tháng 4 tới tháng 11/2021 giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng khí tự nhiên (tỷ trọng 6,88%) trong tháng 11/2021 tăng 23,7% so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số tích lũy sản lượng khí tự nhiên trong 7 tháng (từ tháng 4 tới tháng 11/2021) tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng lọc hóa dầu (tỷ trọng 28,04%) tăng 4,3% trong tháng 11 năm 2021 so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số tích lũy tăng 10,6% trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11/2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng phân bón (tỷ trọng 2,63%) tăng 2,5% trong tháng 11 năm 2021 so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số lũy kế giảm 0,6% trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2021-22 so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thép (tỷ trọng 17,92%) tăng 0,8% trong tháng 11 năm 2021 so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số tích lũy của nó tăng 25,3% trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2021-22 so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng xi măng (tỷ trọng 5,37%) giảm 3,2% trong tháng 11 năm 2021 so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số tích lũy tăng 28,3% trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2021-22 so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng điện (tỷ trọng 19,85%) tăng 1,5% trong tháng 11 năm 2021 so với tháng 11 năm 2020. Chỉ số lũy kế tăng 10,2% trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2021-22 so với cùng kỳ năm trước.

V. CƠ HỘI GIAO THƯƠNG

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP ẤN ĐỘ ĐĂNG KÝ B2B MATCHING VỀ XUẤT NHẬP KHẨU THANH LONG NGÀY 19/01/2022

STT	Email	Tên doanh nghiệp	Người liên hệ
1	vp@indianimporterschambers.com	Indian Importers Chambers of Commerce and Industry (IICCI)	T.K.Pandey
2	AMIT@KCAPL.COM	KEDIA CORPORATE ADVISORS PVT LTD	CA AMIT KUMAR KEDIA
3	kushalpanchal999@gmail.com	Realms Enterprises	Kushal Panchal
4	caidrismk@gmail.com	Shabbir & Associates	Idris MK
5	arunna.sk@gmail.com	Hitsyaa Foods	Arunna Raj and Nimesh Sheravia
6	shobhit@forexim.co	Forexim Solutions	Shobhit
7	hienjessica0501@gmail.com	IICCI VN	Nguyen Thi Thu Hien
8	marketing@aumimexco.com	Aum Imexcol India Pvt Ltd	Amrendra Singh
9	ajay382005@gmail.com	MSME DI	Ajay Sharma
10	manoj.bhargava@aumimpex.com	Aum impex	Manoj Bhargava

11	manojk.bhargava@gmail.com	Aum impex pvt ltd	Manoj Bhargava
12	ubiquitousevents@gmail.com	Ubiquitous Events and Ad agency	Ankush Arora
13	aniruddha999@gmail.com	Adrise India Pvt. Ltd.	Aniruddha Hajare
14	abharathtrader@gmail.com	BHARATH TRADER	A. Sarfudeen
15	vinod.verma@adityabirla.com	Aditya Birla Group	Dr Vinod k Verma
16	hsuri@suriagrofresh.com	Suri Agro Fresh Pvt. Ltd	Mr. Hitin Suri
17	Shubharawal@iginternational.net	IG International	Mr. Tarun Arora Ms. Shubha Rawal